

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 21/02/2025

*V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Bà Vũ Thị Luyến

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trường Ca và bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLST-DS, ngày 06/12/2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS, ngày 02/01/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2025/QĐXXST-DS, ngày 23/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trọng P, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số A L, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: KDC T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2024, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng P trình bày:*

Anh Nguyễn Trọng P và chị Nguyễn Thị C là bạn bè quen biết và cùng nhau làm ăn. Do cần tiền để mua đất nên chị C đề nghị với anh P mượn số tiền 2.050.000.000 đồng. Chị C hẹn với anh P là ngày 15/5/2024 sẽ trả nhưng không trả được. Ngày 25/7/2024, anh P và chị C có lập biên bản thoả thuận với nội dung chị C đề nghị chuyển nhượng cho anh P thửa đất số 199, tờ bản đồ số 167, diện tích 161,5 m² tại phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 935930 cấp ngày 22/7/2024 mang tên Nguyễn Thị C với giá chuyển nhượng là 1.500.000.000 đồng để khấu trừ vào khoản tiền 2.050.000.000 đồng chị C nợ anh P. Thời điểm khấu trừ tính từ ngày hai bên ký công chứng chuyển nhượng thửa đất 199 tại Văn phòng công chứng, dự kiến vào ngày 27/7/2024. Số tiền vay còn lại là 550.000.000 đồng chị C sẽ trả cho anh P trong thời hạn 05 ngày kể từ khi ký chuyển nhượng thửa đất nêu trên hợp pháp. Đến nay anh P đã đòi nhiều lần nhưng chị C không trả. Anh P đề nghị Tòa án buộc chị C phải trả số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn trả nợ tính từ ngày 25/7/2024 theo quy định của Ngân hàng N1. Mặc dù trong biên bản thoả thuận ngày 25/7/2024, hai bên không thoả thuận nội dung lãi nhưng anh P và chị C có thoả thuận miệng với nhau là tính lãi theo mức lãi suất Ngân hàng N1 quy định.

Anh P chuyển khoản cho chị C 03 lần, cụ thể: Ngày 01/4/2024, anh P chuyển khoản 50.000.000 đồng từ tài khoản của anh đến tài khoản B số 46110000527411 mang tên Nguyễn Thị C; Ngày 03/4/2024, anh P chuyển khoản lần 1 là 300.000.000 đồng và lần 2 là 200.000.000 đồng vào tài khoản của chị C nêu trên.

Số tiền cho chị C vay là số tiền riêng của anh P, không liên quan đến vợ là chị Phạm Thị Thúy N.

- Tại Bản tự khai chị C trình bày:

Anh Nguyễn Trọng P và chị Nguyễn Thị C là bạn bè quen biết và cùng nhau làm ăn. Chị C có vay của anh P số tiền 550.000.000 đồng. Nay anh P khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chị C phải trả số tiền gốc nêu trên kèm lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng N1. Chị C đồng ý với số nợ và số tiền mà anh P yêu cầu chị phải trả. Nhưng hiện tại chị C chưa có tiền trả ngay nên đề nghị được trả dần cho anh P, mỗi năm trả 100.000.000 đồng.

Chị C xác định khoản vay nợ này là của riêng chị, vì chị và chồng đã ly hôn 05 năm.

- *Chị Phạm Thị Thúy N - là vợ của anh Nguyễn Trọng P trình bày:* Chị là vợ của anh P, chị có biết khoản cho vay 550.000.000 đồng đối với chị Nguyễn Thị C. Chị khẳng định số tiền này là tiền riêng của anh Nguyễn Trọng P, không liên quan đến chị.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị:

Áp dụng: Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng N1; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng P.

Buộc chị Nguyễn Thị C phải trả cho anh Nguyễn Trọng P số tiền tính đến ngày 21/02/2025 là 578.411.643 đồng, trong đó: Nợ gốc: 550.000.000 đồng, nợ lãi: 28.411.643 đồng.

Kể từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thi hành án xong, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Giữa anh P và chị C đã thiết lập và thực hiện giao dịch dân sự vay tài sản là tiền. Nay xảy ra tranh chấp bị đơn chị C có nơi cư trú tại phường C, thành phố C nên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh P, chị C.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền: Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Anh P cho chị C vay số tiền 2.050.000.000 đồng, hạn ngày 15/5/2024 trả tiền nhưng chị C không trả được. Ngày 25/7/2024, anh P và chị C có lập biên bản thỏa thuận với nội dung chị C đề nghị chuyển nhượng cho anh P thửa đất số 199, tờ bản đồ số 167, diện tích 161,5 m² tại phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 935930 cấp ngày 22/7/2024 mang tên Nguyễn Thị C với giá chuyển nhượng là 1.500.000.000 đồng để khấu trừ vào khoản tiền 2.050.000.000 đồng chị C nợ anh P. Thời điểm khấu trừ tính từ ngày hai bên ký công chứng chuyển nhượng thửa đất 199 tại Văn phòng công chứng, dự kiến vào ngày 17/7/2024. Số tiền vay còn lại là 550.000.000 đồng chị C sẽ trả cho anh P trong thời hạn 05 ngày kể từ khi ký chuyển nhượng thửa đất nêu trên hợp pháp, nhưng đến nay chị C không trả. Ngày 25/7/2024, hai bên lập biên bản thỏa thuận, không thỏa thuận nội dung lãi, thời hạn trả là 05 ngày kể từ khi ký chuyển nhượng thửa đất nêu trên hợp pháp. Như vậy, có căn cứ xác định chị C còn nợ anh P số tiền 550.000.000đ, vay nợ có thời hạn, việc vay nợ cá nhân giữa chị C và anh P, không liên quan đến người khác nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P theo quy định tại Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại biên bản thoả thuận giữa anh P, chị C không thoả thuận về tính lãi. Tuy nhiên, cả anh P và chị C đều thừa nhận đã thoả thuận miệng với nhau lãi suất tính theo quy định của Ngân hàng N1, thời điểm tính từ ngày lập Biên bản thoả thuận là ngày 25/07/2024, đây được coi là sự thật, là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thoả thuận mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng N1 là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng N1, mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, số tiền lãi tính đến ngày 21/02/2025 là 550.000.000 đồng x 9%/năm x 6 tháng 27 ngày = 28.411.643 đồng. Kể từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thi hành án xong, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng N1; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng P.

Buộc chị Nguyễn Thị C phải trả cho anh Nguyễn Trọng P số tiền tính đến ngày 21/02/2025 là 578.411.643 (*Năm trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm mười một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba*) đồng, trong đó: Nợ gốc: 550.000.000 (*Năm trăm năm mươi triệu*) đồng, nợ lãi: 28.411.643 (*Hai mươi tám triệu, bốn trăm mười một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba*) đồng.

Kể từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thi hành án xong, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.136.465 (*Hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm*) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Luyến